

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và
các công ty con**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai
đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng
6 năm 2010**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Thông tin Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

4103002877

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 26 tháng 12 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Nguyễn Đăng Quang
Hồ Hùng Anh
Nguyễn Hoàng Yến
Nguyễn Thiều Nam
Madhur Maini
Lars Kjaer

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các yêu cầu luật định có liên quan đến báo cáo tài chính giữa niên độ. Khi lập các báo cáo tài chính giữa niên độ, Hội đồng Quản trị phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập các báo cáo tài chính giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các yêu cầu luật định có liên quan. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các yêu cầu luật định có liên quan đến báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét dựa trên Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 về Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét giới hạn chủ yếu đến việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán, và vì thế chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận


Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi tin rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, và kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các yêu cầu luật định có liên quan phù hợp với báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 và ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009, và các thuyết minh kèm theo không được chúng tôi soát xét hay kiểm toán, do đó chúng tôi không trình bày ý kiến về sự đảm bảo của những số liệu này.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-320




Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc


Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, **13 AUG 2010**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		2.576.321	2.441.831	744.568	671.630
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	980.107	1.123.616	350.279	364.265
Tiền	111		501.307	523.616	350.279	364.265
Các khoản tương đương tiền	112		478.800	600.000	-	-
Đầu tư ngắn hạn	120	12	814.771	776.000	296.000	296.000
Các khoản phải thu	130	5	360.970	282.936	95.093	9.105
Phải thu thương mại	131		52.734	56.830	-	-
Trả trước cho người bán	132		81.456	68.714	-	-
Phải thu nội bộ	133		57.867	517	57.818	30
Phải thu khác	135		170.911	158.767	37.275	9.075
Dự phòng cho các khoản nợ khó đòi	139		(1.998)	(1.892)	-	-
Hàng tồn kho	140	6	316.230	199.466	-	-
Hàng tồn kho	141		336.309	237.288	-	-
Dự phòng hàng tồn kho	149		(20.079)	(37.822)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		104.243	59.813	3.196	2.260
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.428	3.950	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		89.086	47.678	3.190	2.257
Thuế và các khoản phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước	154	7	6.802	6.550	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.927	1.635	6	3

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			30/6/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND	30/6/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Tài sản dài hạn	200		4.728.286	4.575.263	6.431.148	6.430.811
Tài sản cố định	220		734.235	605.360	-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	8	586.003	465.483	-	-
<i>Nguyên giá</i>	222		758.155	597.478	-	-
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(172.152)	(131.995)	-	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	12.625	14.096	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		16.871	16.871	-	-
<i>Khấu hao lũy kế</i>	226		(4.246)	(2.775)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	10	71.615	72.865	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		82.920	82.688	-	-
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(11.305)	(9.823)	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	63.992	52.916	-	-
Các khoản đầu tư dài hạn	250	12	3.941.764	3.919.827	6.431.148	6.430.811
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	2.346.652	2.346.315
Đầu tư vào công ty liên kết	252		3.941.764	3.919.827	4.084.496	4.084.496
Tài sản dài hạn khác	260		52.287	50.076	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	8.766	11.885	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	30.496	25.420	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		9.155	8.603	-	-
Lợi thế thương mại	269	15	3.870	4.168	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		7.304.607	7.017.094	7.175.716	7.102.441

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND	30/6/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.793.217	1.947.555	700.666	650.579
Nợ ngắn hạn	310		1.031.808	1.210.937	70.666	20.579
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	485.767	687.260	-	-
Phải trả thương mại	312		243.214	267.168	2.364	4.525
Người mua trả tiền trước	313		5.937	11.267	-	-
Thuế phải nộp Ngân sách						
Nhà nước	314	17	39.461	77.417	177	85
Phải trả nhân viên	315		12.407	148	-	-
Chi phí phải trả	316	18	241.994	163.590	67.942	15.969
Phải trả nội bộ	317	19	752	131	-	-
Phải trả khác	319	20	2.276	3.956	183	-
Vay và nợ dài hạn	330		761.409	736.618	630.000	630.000
Vay và nợ dài hạn	334	21	760.107	734.723	630.000	630.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	22	1.302	1.895	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.096.066	4.762.088	6.475.050	6.451.862
Vốn chủ sở hữu	410		5.096.066	4.762.088	6.475.050	6.451.862
Vốn cổ phần	411	23	4.853.998	4.853.998	4.853.998	4.853.998
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	1.421.817	1.421.817	1.421.817	1.421.817
Các quỹ khác	418		(1.947.256)	(1.947.256)	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	419		-	(1.178)	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		767.507	434.707	199.235	176.047
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		415.324	307.451	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		7.304.607	7.017.094	7.175.716	7.102.441

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

13 AUG 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn						Công ty	
		Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND (Chưa soát xét)	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND (Chưa soát xét)	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VND (Chưa soát xét)	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND (Chưa soát xét)	Từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 Triệu VND (Chưa soát xét)	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND (Chưa soát xét)	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VND (Chưa soát xét)	
01	24	1.225.513	862.796	2.122.054	1.533.483	-	-	-	
02	24	(8.673)	(3.051)	(42.837)	(44.434)	-	-	-	
10	24	1.216.840	859.745	2.079.217	1.489.049	-	-	-	
11	25	(686.730)	(567.327)	(1.226.483)	(972.203)	-	-	-	
20		530.110	292.418	852.734	516.846	-	-	-	
21	26	71.023	14.423	136.382	40.493	39.915	3	76.093	
22	27	(47.058)	(10.767)	(96.674)	(22.606)	(23.050)	-	(46.675)	
24		(187.001)	(108.988)	(374.228)	(185.006)	-	-	-	
25		(34.346)	(32.176)	(58.028)	(41.390)	(2.897)	(1)	(6.230)	
30		332.728	154.910	460.186	308.337	13.968	2	23.188	
40									
31	28	2.752	795	5.785	2.420	-	-	-	
32	29	(5.584)	(3.543)	(8.469)	(4.735)	-	-	-	
41	30	8.822	-	21.937	-	-	-	-	
50		338.718	152.162	479.439	306.022	13.968	2	23.188	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty					
		Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND (Chưa soát xét)	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND (Chưa soát xét)	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND (Chưa soát xét)	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND (Chưa soát xét)				
50	Lợi nhuận trước thuế (mang sang từ trang trước)	338.718	152.162	479.439	306.022	13.968	2	23.188	1
51	Chi phí thuế thu nhập – hiện hành	(24.233)	(13.300)	(39.240)	(25.141)	-	-	-	-
52	Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại	6.275	-	5.076	-	-	-	-	-
60	Lợi nhuận thuần	320.760	138.862	445.275	280.881	13.968	2	23.188	1
61	Phân bổ cho: Lợi ích cổ đông thiểu số	80.971	66.900	108.806	135.456	-	-	-	-
62	Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	239.789	71.962	336.469	145.425	-	-	-	-
70	Lãi trên cổ phiếu VND	494	564	693	1.140	-	-	-	-
70	Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng VND	464	564	652	1.140	-	-	-	-

Người lập:

Label

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

13 AUG 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Tập đoàn

	Vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn thuộc chủ sở hữu của công ty Triệu VND	Lợi ích cổ đồng thiểu số Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	32.000	227.892	(1.391)	213.319	471.820	400.974	872.794
Tăng vốn chủ sở hữu giá định	-	6.670	-	-	6.670	6.071	12.741
Công ty con công bố cổ tức (Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San) dưới hình thức trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành và tiền mặt	-	-	-	(200.252)	(200.252)	(182.310)	(382.562)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	145.425	145.425	135.456	280.881
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(2.098)	-	(2.098)	(1.932)	(4.030)
Tăng lợi ích cổ đồng thiểu số trong các công ty con	-	-	-	-	-	1.000	1.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 (Chưa soát xét)	32.000	234.562	(3.489)	158.492	421.565	359.259	780.824

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn thuộc chủ sở hữu của công ty Triệu VND	Lợi ích cổ đồng thiểu số Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	4.853.998	1.421.817	(1.947.256)	(1.178)	434.707	4.762.088	307.451	5.069.539
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	336.469	336.469	108.806	445.275
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	3.669	(3.669)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.491)	-	(2.491)	(933)	(3.424)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	4.853.998	1.421.817	(1.947.256)	-	767.507	5.096.066	415.324	5.511.390

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2010

Công ty

	Vốn cổ phần Triệu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	32.000	-	499	32.499
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1	1
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 (Chưa soát xét)	32.000	-	500	32.500
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	4.853.998	1.421.817	176.047	6.451.862
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	23.188	23.188
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	4.853.998	1.421.817	199.235	6.475.050

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

13 AUG 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
			(Chưa soát xét)		(Chưa soát xét)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tăng các khoản đầu tư dài hạn	21		-	(17.438)	-	-
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(179.917)	(153.539)	-	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.433	41	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	23		-	120.000	-	-
Khoản vay cấp cho công ty mẹ	23		-	(58.543)	-	-
Khoản vay cấp cho cá nhân	23		-	(87.526)	-	-
Tiền thu hồi các khoản cho cá nhân vay	23		-	44.551	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trả cho ngân hàng	24		(1.640.471)	(278.450)	-	-
Thu tiền gửi có kỳ hạn	24		1.605.471	-	-	-
Tiền chi đầu tư cho công ty con và các đơn vị khác	25		-	(100.000)	(336)	-
Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		81.290	40.525	14.586	-
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(131.194)	(490.379)	14.250	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>		
		Từ 1/1/2010	Từ 1/1/2009	Từ 1/1/2010	Từ 1/1/2009	
		đến 30/6/2010	đến 30/6/2009	đến 30/6/2010	đến 30/6/2009	
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	
		(Chưa soát xét)		(Chưa soát xét)		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	12.741	-	-
	Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số vào các công ty con	31	-	1.000	-	-
	Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33	609.932	979.823	-	-
	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(786.041)	(695.573)	-	-
	Tiền chi trả cổ tức	36	-	(10)	-	-
	Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40	(176.109)	297.981	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(143.509)	(48.914)	(13.986)	1
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.123.616	97.479	364.265	504
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	4	980.107	48.565	350.279
						505

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>		
	Từ 1/1/2010	Từ 1/1/2009	Từ 1/1/2010	Từ 1/1/2009	
	đến 30/6/2010	đến 30/6/2009	đến 30/6/2010	đến 30/6/2009	
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	
Mua trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cản trừ các khoản phải thu từ công ty mẹ		-	400.000	-	-
Cổ tức được công ty con trả dưới hình thức trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành		-	382.551	-	-

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch



13 AUG 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là chủ quản đầu tư.

Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm của Công ty và các công ty con (dưới đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả dưới đây bao gồm:

Tên	Hoạt động chính	Phần trăm sở hữu tại	
		30/6/2010	31/12/2009
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Chủ quản đầu tư	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Chủ quản đầu tư	100%	100%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Kinh doanh và phân phối	72.8%	72.8%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	72.8%	72.8%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	72.8%	72.8%
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	72.8%	72.8%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hoa Sen	Sản xuất thực phẩm	(*)	72.8%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	68.8%	68.8%
Công ty Cổ phần Ma San HD	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	72.8%	72.8%

(*) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Thực phẩm Hoa Sen đã được sát nhập vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và đã ngừng hoạt động.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Phần trăm sở hữu phản ánh phần trăm sở hữu thực tế của các cổ đông đồng kiểm soát trực tiếp và gián tiếp tại các công ty con.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty có 21 nhân viên (31/12/2009: 4 nhân viên) và Tập đoàn có 5.069 nhân viên (31/12/2009: 5.079 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính giữa niên độ, được trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn đến hàng triệu (“Triệu VNĐ”), được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các yêu cầu luật định có liên quan đến báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo tài chính giữa niên độ cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2009, Công ty đã tiến hành việc tái cấu trúc và trở thành công ty mẹ sở hữu 54,8% cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thực phẩm Ma San (“Ma San Food”), trước đó là công ty con ngang cấp. Ma San Food trực tiếp sở hữu quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, Công ty Cổ phần Ma San PQ, Công ty Cổ phần Ma San HD, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San trực tiếp sở hữu quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hoa Sen. Do ảnh hưởng của những giao dịch trên, công ty mẹ, Công ty Cổ phần Ma San, đã chuyển nhượng 54,8% vốn chủ sở hữu của Ma San Food cho Công ty để đổi lấy 125.877.284 cổ phiếu mới do Công ty phát hành cho công ty mẹ.

Sau khi mua lại vốn chủ sở hữu của các công ty này, Công ty trở thành công ty mẹ của các công ty trong Tập đoàn. Do các công ty tham gia vào giao dịch hợp nhất kinh doanh nêu trên đều chịu sự kiểm soát chung của cùng một nhóm cổ đông (“Các cổ đông kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, việc hợp nhất này thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung bởi vì các cổ đông kiểm soát vẫn tiếp tục nắm các rủi ro và lợi ích. Việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này không nằm trong phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất Kinh doanh* và trong việc lựa chọn chính sách kế toán đối với giao dịch này, Tập đoàn đã xem xét nội dung của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”) với giá định luôn luôn có sự tồn tại của Tập đoàn. Tài sản và công nợ của các công ty được hợp nhất sử dụng giá trị ghi sổ hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của các cổ đông kiểm soát. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị thuần của tài sản được mua được hạch toán như là sự phân chia hoặc góp vốn giá định từ các cổ đông và được hạch toán trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Khoản tăng vốn chủ sở hữu giá định được hạch toán vào các quỹ khác để phản ánh việc mua lại các công ty con theo phương pháp kế toán sáp nhập như thể Tập đoàn đã luôn tồn tại.

Sau đó, Công ty đã mua thêm lợi ích chủ sở hữu tại Ma San Food và tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm giữ 72,8% vốn chủ sở hữu tại Ma San Food.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty hiện tại trong Tập đoàn như thể cấu trúc tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông kiểm soát (hoặc các công ty được thành lập sau ngày 1 tháng 1 năm 2009, trong giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày kết thúc niên độ của các kỳ báo cáo liên quan). Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2009 được lập để phản ánh tình hình hiện tại của các công ty trong Tập đoàn tại những ngày này. Tất cả các giao dịch trọng yếu và các số dư trong nội bộ tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 1 tháng 4 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 và từ ngày 1 tháng 4 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 được đính kèm chỉ dùng cho mục đích trình bày.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Lợi ích cổ đông thiểu số

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần thu được hoặc thanh lý tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán số 10 (“VAS 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; và khoản đầu tư vào chứng khoán vốn của các công ty mà Tập đoàn và Công ty không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể, và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng thì được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

(iii) Nhãn hiệu

Giá mua của nhãn hiệu được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(k) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh từ bên thứ ba. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán hoặc được phát hành lại, khoản thu được ghi nhận như một khoản tăng vào vốn chủ sở hữu, và thặng dư hoặc thâm hụt trên các giao dịch được chuyển đến/từ thặng dư vốn.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

(s) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(x) Thù lao chi trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Thực phẩm và nước chấm		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VNĐ
Doanh thu bộ phận	2.079.217	1.489.049	-	-	2.079.217	1.489.049
Lợi nhuận bộ phận	400.154	280.880	21.937	-	422.091	280.880
Các khoản chi phí/thu nhập không phân bổ					23.184	1
Tổng lợi nhuận					445.275	280.881

	Thực phẩm và nước chấm		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Tài sản bộ phận	2.587.459	2.400.230	3.941.764	3.919.827	6.529.223	6.320.057
Tài sản không phân bổ					744.888	671.617
Tổng tài sản					7.274.111	6.991.674
Nợ phải trả bộ phận	1.092.551	1.296.976	-	-	1.092.551	1.296.976
Nợ phải trả không phân bổ					700.666	650.579
Tổng nợ phải trả					1.793.217	1.947.555

Tài sản bộ phận không bao gồm tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn chỉ hoạt động trong khu vực địa lý tại Việt Nam.

Chi tiêu vốn, chi phí phân bổ và khấu hao chỉ liên quan đến bộ phận kinh doanh thực phẩm và nước chấm và được trình bày trong các thuyết minh liên quan trong các báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tiền mặt	1.560	1.203	252	189
Tiền gửi ngân hàng	499.247	522.236	350.027	364.076
Tiền đang chuyển	500	177	-	-
Các khoản tương đương tiền	478.800	600.000	-	-
	980.107	1.123.616	350.279	364.265

Bao gồm trong tiền của Tập đoàn và Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 có số tiền bằng các đơn vị tiền khác VND lần lượt tương đương 8.301 triệu VND (31/12/2009: 7.666 triệu VND) và 7.032 triệu VND (31/12/2009: 7.198 triệu VND).

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San - công ty mẹ				
Phi thương mại	57.867	517	57.818	30

Khoản phi thương mại phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi suất và được trả theo yêu cầu.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Lãi trích trước phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	28.206	29.067	23.578	9.075
Phải thu từ Công ty Chứng khoán Bản Việt	128.539	128.539	-	-
Phải thu khác	14.166	1.161	13.697	-
	170.911	158.767	37.275	9.075

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Khoản phải thu từ Công ty Chứng khoán Bản Việt, một cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San, phản ánh khoản phải thu về việc thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San trong lợi ích vốn chủ sở hữu và trái phiếu có thể chuyển đổi lần lượt là 109 tỷ VNĐ và 20 tỷ VNĐ. Các khoản phải thu được hoàn trả trong vòng một năm từ ngày 28 tháng 12 năm 2009.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Tập đoàn Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Công ty Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	1.892	-
Tăng dự phòng trong kỳ	106	-
Số dư cuối kỳ	1.998	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, các khoản phải thu thương mại của Tập đoàn tương đương 2.422 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.102 triệu VNĐ) được thế chấp để đảm bảo khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San.

6. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2010	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Hàng mua đang đi đường	17.530	15.681	-	-
Nguyên vật liệu	164.604	145.202	-	-
Công cụ và dụng cụ	2.821	496	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	56.826	48.365	-	-
Thành phẩm	94.528	27.544	-	-
	336.309	237.288	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(20.079)	(37.822)	-	-
	316.230	199.466	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Tập đoàn Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND	Công ty Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	37.822	-
Tăng dự phòng trong kỳ	3.736	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(4.908)	-
Hoàn nhập dự phòng	(16.571)	-
Số dư cuối kỳ	20.079	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 159.460 triệu VND (31/12/2009: 31.049 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San.

7. Thuế và các khoản phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND	30/6/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Thuế xuất nhập khẩu có thể được hoàn lại từ Ngân sách Nhà nước	6.800	6.546	-	-
Phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước	2	4	-	-
	6.802	6.550	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình**Tập đoàn**

	Nhà cửa và cấu trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	124.455	1.175	16.317	439.340	16.191	597.478
Tăng trong kỳ	4.921	-	2.890	54.001	-	61.812
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	53.159	6.399	-	43.645	-	103.203
Thanh lý	-	-	(101)	(4.237)	-	(4.338)
Phân loại lại	-	-	(425)	1.369	(944)	-
Số dư cuối kỳ	182.535	7.574	18.681	534.118	15.247	758.155
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	14.824	675	4.632	103.460	8.404	131.995
Khấu hao trong kỳ	4.244	1.116	1.995	32.845	1.059	41.259
Thanh lý	-	-	(36)	(1.066)	-	(1.102)
Phân loại lại	-	-	(45)	274	(229)	-
Số dư cuối kỳ	19.068	1.791	6.546	135.513	9.234	172.152
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	109.631	500	11.685	335.880	7.787	465.483
Số dư cuối kỳ	163.467	5.783	12.135	398.605	6.013	586.003

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản có trị giá 4.034 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31/12/2009: 7.946 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, tài sản cố định hữu hình với giá trị là 135.188 triệu VND (31/12/2009: 93.843 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 6.164 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31/12/2009: 9.269 triệu VND).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 1.281 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31/12/2009: 429 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn

	Máy móc và thiết bị Triệu VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/Số dư cuối kỳ	16.871
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.775
Khấu hao trong kỳ	1.471
Số dư cuối kỳ	4.246
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	14.096
Số dư cuối kỳ	12.625

Các thiết bị sản xuất này được thuê bởi Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho Thuê Tài chính Vietcombank, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Vào cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San có quyền lựa chọn mua lại các thiết bị này theo giá ưu đãi. Thiết bị thuê này được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Nhãn hiệu	Tổng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	77.611	4.531	546	82.688
Tăng trong kỳ	-	49	-	49
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	200	200
Xóa sổ	-	(17)	-	(17)
Số dư cuối kỳ	77.611	4.563	746	82.920
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	8.349	1.338	136	9.823
Khấu hao trong kỳ	865	540	94	1.499
Xóa sổ	-	(17)	-	(17)
Số dư cuối kỳ	9.214	1.861	230	11.305
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	69.262	3.193	410	72.865
Số dư cuối kỳ	68.397	2.702	516	71.615

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 40.380 triệu VNĐ (31/12/2009: 40.902 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	52.916	55	-	-
Tăng trong kỳ	114.479	96.393	-	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(103.203)	(43.273)	-	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(200)	(259)	-	-
Số dư cuối kỳ	63.992	52.916	-	-

12. Các khoản đầu tư

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào công ty con	-	-	2.346.652	2.346.315
Đầu tư vào công ty liên kết	3.941.764	3.919.827	4.084.496	4.084.496
	3.941.764	3.919.827	6.431.148	6.430.811
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng Cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, một cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San vay ngắn hạn	761.000	726.000	296.000	296.000
	53.771	50.000	-	-
	814.771	776.000	296.000	296.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư vào 19,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”). Các cổ phiếu này được mua bằng cách phát hành cổ phiếu mới và các công cụ nợ.

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn đáo hạn hơn 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Tiền gửi có kỳ hạn có gốc bằng VNĐ và hưởng lãi suất năm từ 8,5% đến 11% (2009: 8,5% đến 9,8%).

Khoản vay ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không có đảm bảo, chịu lãi suất năm là 15% và được hoàn trả theo yêu cầu theo hợp đồng vay được ký lại.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn

	Chi phí đất trả trước	Trục in	Công cụ và dụng cụ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu kỳ	2.446	341	9.098	-	11.885
Tăng trong kỳ	-	1.116	1.112	797	3.025
Phân bổ trong kỳ	(25)	(1.200)	(4.805)	(114)	(6.144)
Số dư cuối kỳ	2.421	257	5.405	683	8.766

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2010	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	55	-	-
Chi phí mua hàng tồn kho trích trước	5.994	-	-	-
Chiết khấu hàng bán trích trước	-	7.858	-	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mại trích trước	10.673	8.651	-	-
Chi phí vận chuyển trích trước	4.229	4.229	-	-
Lương trích trước	270	-	-	-
Chi phí trích trước khác	334	710	-	-
Lỗ tính thuế mang sang	8.996	3.917	-	-
	30.496	25.420	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

15. Lợi thế thương mại

	Triệu VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/Số dư cuối kỳ	5.954
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.786
Khấu hao trong kỳ	298
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.084
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.168
Số dư cuối kỳ	3.870
	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Vay ngắn hạn					
Vay từ ngân hàng Vietcombank					
Khoản vay 1	(a)	89.004	69.050	-	-
Khoản vay 2	(b)	30.822	19.599	-	-
Khoản vay 3	(c)	174.287	269.806	-	-
Khoản vay 4	(d)	17.991	33.086	-	-
Khoản vay 5	(e)	7.006	68.749	-	-
Khoản vay 6	(f)	7.009	-	-	-
Vay từ ngân hàng HSBC					
Khoản vay 1	(g)	20.343	12.468	-	-
Khoản vay 2	(h)	8.157	-	-	-
Khoản vay 3	(i)	43.253	-	-	-
Vay từ ngân hàng Vietinbank					
Khoản vay 1	(j)	9.885	24.507	-	-
Khoản vay 2	(k)	46.215	166.450	-	-
Vay từ cá nhân	(l)	466	466	-	-
		454.438	664.181	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)					
		31.329	23.079	-	-
		485.767	687.260	-	-

(a) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San và được đảm bảo bằng các khoản đầu tư vào các công ty con là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến.

Trong kỳ, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 6% đến 7% (2009: 6,44% đến 8,81%).

Trong kỳ, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm là 12% (2009: 6,00% đến 11,28%).

(b) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và không được đảm bảo.

Trong kỳ, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 5% đến 7% (2009: 4,73% đến 7,00%).

Trong kỳ, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 10,5% đến 13,8% (2009: 7,62% đến 12,56%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

- (c) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 300 tỷ VNĐ và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 33.166 triệu VNĐ (31/12/2009: 33.591 triệu VNĐ) và tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 12.499 triệu VNĐ (31/12/2009: 14.725 triệu VNĐ).

Trong kỳ, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 6% đến 7% (2009: 3,30% đến 8,00%).

Trong kỳ, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 10% đến 12,9% (2009: 6,00% đến 12,00%).

- (d) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với hạn mức tối đa là 50 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 29.846 triệu VNĐ (31/12/2009: 34.027 triệu VNĐ).

Trong kỳ, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 5% đến 6,5% (2009: 3,00% đến 7,00%).

Trong kỳ, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm là 12%.

- (e) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD với hạn mức tối đa là 80 tỷ VNĐ. Khoản vay này được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Trong kỳ, khoản vay này chịu lãi suất năm là 12% (2009: 10,50% đến 12,00%).

- (f) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San PQ với hạn mức tối đa là 10 tỷ VNĐ và không được đảm bảo. Trong kỳ, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 12% đến 13,8%.

- (g) Khoản vay bằng Đô la Mỹ được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 lần lượt là 31.088 triệu VNĐ và 991 triệu VNĐ (31/12/2009: lần lượt là 31.049 triệu VNĐ và 1.102 triệu VNĐ). Khoản vay này cũng được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Trong kỳ, khoản vay bằng USD chịu lãi suất năm dao động từ 4,25% đến 5,25% (2009: 4,27% đến 8,24%) và khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm là 12%.

- (h) Khoản vay bằng Đô la Mỹ được cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San với hạn mức tối đa là 500.000 USD và không được đảm bảo. Trong kỳ, khoản vay có gốc tiền tệ là USD và chịu lãi suất năm là 5,25%.

- (i) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 300 tỷ VNĐ và được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu thương mại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 lần lượt là 128.372 triệu VNĐ và 1.431 triệu VNĐ.

Trong kỳ, khoản vay bằng USD chịu lãi suất năm là 5,25%.

Trong kỳ, khoản vay bằng VNĐ này chịu lãi suất năm dao động từ 5,25% đến 13,25%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

- (j) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến với hạn mức tối đa là 108.000 triệu VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 14.112 triệu VNĐ (31/12/2009: 15.346 triệu VNĐ), quyền sử dụng đất với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 4.456 triệu VNĐ (31/12/2009: 4.516 triệu VNĐ) và các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 80.143 triệu VNĐ (31/12/2009: 152.329 triệu VNĐ). Khoản vay được rút bằng VNĐ và trong kỳ chịu lãi suất dao động từ 12% đến 14,26% (2009: 6,15% đến 12,92%).
- (k) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 180 tỷ VNĐ và được đảm bảo bằng các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 510.885 triệu VNĐ (31/12/2009: 441.927 triệu VNĐ). Khoản vay được rút bằng VNĐ và trong kỳ chịu lãi suất năm dao động từ 12% đến 14,5% (2009: 6,00% đến 6,05%).
- (l) Khoản vay từ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2010	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.309	56.359	5	5
Thuế giá trị gia tăng	8.814	19.834	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	163	739	-	-
Các loại thuế khác	1.175	485	172	80
	39.461	77.417	177	85

18. Chi phí trích trước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2010	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí mua nguyên vật liệu	41.408	-	-	-
Chi phí vận chuyển	20.178	16.914	-	-
Thưởng và lương tháng 13	6.736	4.196	-	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	91.283	78.463	-	-
Chiết khấu hàng bán	6.814	31.432	-	-
Lãi vay phải trả trích trước	60.492	13.650	60.325	13.650
Thuế nhà thầu trích trước	6.350	1.437	6.350	1.437
Chi phí khác	8.733	17.498	1.267	882
	241.994	163.590	67.942	15.969

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****19. Phải trả các công ty liên quan**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại	752	102	-	-
Phải trả các công ty liên quan khác				
Thương mại	-	29	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	752	131	-	-

Các khoản nợ thương mại phải trả các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Các khoản nợ phi thương mại phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu (2009: trong kỳ, chịu lãi suất năm là 12%).

20. Phải trả khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	986	1.723	170	-
Cổ tức phải trả	840	840	-	-
Tiền gửi ký quỹ ngân hàng chưa được	100	-	-	-
Phải trả khác	350	1.393	13	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2.276	3.956	183	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

21. Vay và nợ dài hạn

	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Vay dài hạn					
Vay từ Ngân hàng Vietcombank					
Khoản vay 1	(a)	16.800	19.600	-	-
Khoản vay 2	(b)	1.189	1.381	-	-
Khoản vay 3	(c)	29.408	12.009	-	-
Khoản vay 4	(d)	7.733	7.733	-	-
Khoản vay 5	(e)	14.153	15.033	-	-
Khoản vay 6	(f)	22.142	5.815	-	-
Vay từ Ngân hàng ACB					
Khoản vay 1	(g)	6.467	7.751	-	-
Khoản vay 2	(g)	7.688	8.638	-	-
Vay từ Ngân hàng Đại Dương					
Trái phiếu dài hạn đã phát hành	(i)	630.000	630.000	630.000	630.000
		785.876	751.358	630.000	630.000
Nợ thuê tài chính					
	(j)	5.560	6.444	-	-
		791.436	757.802	630.000	630.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng					
Vay từ Ngân hàng Vietcombank					
Khoản vay 1	(a)	(5.600)	(5.600)	-	-
Khoản vay 2	(b)	(395)	(395)	-	-
Khoản vay 5	(e)	(3.520)	(2.640)	-	-
Khoản vay 6	(f)	(2.770)	-	-	-
Vay từ Ngân hàng ACB					
	(g)	(4.655)	(4.504)	-	-
Vay từ Ngân hàng Đại Dương					
	(h)	(12.496)	(8.137)	-	-
Nợ thuê tài chính					
	(j)	(1.893)	(1.803)	-	-
		(31.329)	(23.079)	-	-
		760.107	734.723	630.000	630.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

- (a) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 20.997 triệu VNĐ (31/12/2009: 23.067 triệu VNĐ). Khoản vay này có hạn mức tối đa là 35 tỷ VNĐ và trong kỳ chịu lãi suất năm là 12% (2009: 10,85%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 được hoàn trả trong 6 kỳ bán niên, mỗi kỳ trả 2.800 triệu VNĐ.
- (b) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và nợ gốc còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 66.000 USD (31/12/2009: 77.000 USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 1.497 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.594 triệu VNĐ) và chịu lãi suất bằng với lãi suất Libor 6 tháng cộng 2,50% (2010: 7% và 2009: 4% đến 5,7% một năm). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 được hoàn trả trong 6 kỳ bán niên, mỗi kỳ trả 11.000 USD.
- (c) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng nhà cửa với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 29.408 triệu VNĐ. Khoản vay có hạn mức tối đa là 190 tỷ VNĐ và trong kỳ chịu lãi suất năm là 6,50%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, khoản vay này chưa được giải ngân hết và chưa có lịch trả nợ.
- (d) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 45.350 triệu VNĐ. Khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 7.733 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm trong kỳ là 6,75% (2009: 6,5%). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, khoản vay này chưa được giải ngân hết và chưa có lịch trả nợ.
- (e) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng máy móc với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 14.153 triệu VNĐ. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 17,6 tỷ VNĐ và trong kỳ chịu lãi suất năm là 12% (2009: 6,7%). Khoản vay này được hoàn trả trong 16 kỳ chi trả đều nhau hàng quý, mỗi kỳ trả 880 triệu VNĐ bắt đầu từ ngày 13 tháng 4 năm 2010 và kỳ cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào ngày 14 tháng 4 năm 2014.
- (f) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD và được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 163 tỷ VNĐ và trong kỳ chịu lãi suất năm là 12% đến 15% (2009:10,50%) cho khoản vay bằng VNĐ và 6,8% cho khoản vay bằng USD. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 được hoàn trả trong 8 kỳ bán niên, mỗi kỳ trả 2.768 triệu VNĐ.
- (g) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và được bảo đảm bằng nhà cửa, máy móc và thiết bị với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 4.943 triệu VNĐ (31/12/2009: 5.084 triệu VNĐ) và quyền sử dụng đất với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 2.758 triệu VNĐ (31/12/2009: 2.795 triệu VNĐ). Bao gồm các khoản vay:

Khoản vay 1 được cấp với hạn mức tối đa là 720.000 USD. Trong kỳ, khoản vay này chịu lãi suất năm bằng với lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 1,9% (2010: 7% đến 7,6% và 2009: 6%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 360.000 USD được hoàn trả trong 5 kỳ bán niên, mỗi kỳ trả 72.000 Đô la Mỹ.

Khoản vay 2 được cấp với hạn mức tối đa là 600.000 USD. Trong kỳ, khoản vay này chịu lãi suất năm là 7,6%. Nợ gốc chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 427.942 USD và được hoàn trả trong 7 kỳ bán niên, mỗi kỳ 53.520 USD bắt đầu từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 và kỳ cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào ngày 16 tháng 9 năm 2013.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

- (h) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD và được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 84 tỷ VND và trong kỳ chịu lãi suất năm dao động từ 12% đến 17% (2009: 10,50%). Đợt thanh toán đầu tiên là 3.046 triệu VND sẽ được hoàn trả vào ngày 21 tháng 8 năm 2010 và 15 kỳ chi trả đều nhau hàng quý còn lại, mỗi kỳ 3.150 triệu VND sẽ được hoàn trả bắt đầu từ ngày 21 tháng 11 năm 2010.
- (i) Trái phiếu phải trả bao gồm ba trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 180 tỷ VND trên mỗi trái phiếu, được ký kết với Công ty TNHH TPG Star Masan, Công ty TNHH TPG Star Masan II, và Công ty TNHH TPG Star Masan III (gọi chung là “TPG”); và một trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 90 tỷ VND được ký kết với Công ty TNHH TPG Star Masan.

Lãi suất năm là 15%, cộng dồn hàng năm và phải trả khi trái phiếu đáo hạn. Lãi suất thực là 17,3625%/năm. Lãi vay không được hoàn trả nếu quyền chuyển đổi được thực hiện. Các trái phiếu này đáo hạn vào ngày 10 tháng 11 năm 2012.

Giá chuyển đổi được xác định sơ bộ là 20.374 VND/ cổ phiếu và giá trị sẽ được điều chỉnh dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của Tập đoàn.

Trái phiếu được đảm bảo bằng lợi ích của Công ty trong 8.820.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Nếu giá giao dịch trung bình của các cổ phiếu được niêm yết của Công ty giảm dưới 50% so với giá chuyển đổi hiện hành trong thời hạn 20 ngày giao dịch, số lượng cổ phiếu thế chấp sẽ tăng thêm 100%, hoặc thế chấp bằng tài sản khác theo thỏa thuận giữa Công ty và TPG Star Masan. Nếu giá giao dịch trung bình của các cổ phiếu được niêm yết của Công ty tăng trên 100% so với giá chuyển đổi hiện hành trong thời hạn 10 ngày giao dịch, số lượng cổ phiếu được thế chấp sẽ giảm 50%.

Trái phiếu này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu sẽ được phát hành bởi Công ty từ ngày 1 tháng 4 năm 2011 đến ngày đáo hạn trái phiếu theo quyền lựa chọn của trái chủ. Tuy nhiên, tại bất kỳ thời điểm nào sau khi các báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được cung cấp cho trái chủ, và giá giao dịch của các cổ phiếu được niêm yết của Công ty cao hơn 200% so với giá chuyển đổi có thể áp dụng trong thời hạn 90 ngày giao dịch, Công ty có quyền yêu cầu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo giá chuyển đổi đó.

Khi công ty phát hành thêm quyền mua cổ phiếu, trái chủ được đảm bảo được hưởng các quyền lợi và điều kiện như những người được nhận các quyền này. Nếu điều này không thực hiện được, trái chủ sẽ được trả một khoản tiền tương đương với giá trị hợp lý của những quyền đó.

- (j) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2010 Triệu VND			31/12/2009 Triệu VND		
	Tổng khoản thanh toán	Tiền lãi thuê	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	2.411	518	1.893	2.120	317	1.803
Từ hai đến năm năm	4.725	1.058	3.667	5.042	401	4.641
	7.136	1.576	5.560	7.162	718	6.444

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ là 256.666 USD, tương đương 4.623 triệu VNĐ (31/12/2009: 299.444 USD tương đương 5.372 triệu VNĐ).

Nợ thuế tài chính được bảo đảm bằng tài sản cố định thuế tài chính trình bày trong Thuyết minh 9.

22. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Tập đoàn Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Công ty Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	1.895	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(593)	-
Số dư cuối kỳ	1.302	-

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, Tập đoàn đã đóng 592 triệu VNĐ (2009: 1.472 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	485.399.820	4.853.998	485.399.820	4.853.998
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	485.399.820	4.853.998	485.399.820	4.853.998
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.421.817	-	1.421.817

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010		Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	485.399.820	4.853.998	320.000	32.000
Ảnh hưởng của việc chia cổ phiếu	-	-	2.880.000	-
Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu tại Techcombank	-	-	249.979.671	2.499.797
Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	-	-	181.880.248	1.818.802
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt	-	-	50.339.901	503.399
	485.399.820	4.853.998	485.399.820	4.853.998

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VNĐ
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	2.117.565	1.530.369	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	4.489	3.114	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(42.837)	(44.319)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(102)	-	-
▪ Giảm giá hàng bán	-	(13)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2.079.217	1.489.049	-	-

25. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	1.239.318	974.507	-	-
▪ Thanh lý trực in	-	9	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.835)	(2.313)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.226.483	972.203	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VND
Lãi từ tiền gửi Ngân hàng	77.582	4.059	29.090	4
Lãi từ việc cho các cá nhân vay	2.219	188	-	-
Lãi từ việc cho công ty mẹ vay	47.303	13.022	46.675	-
Lãi từ việc cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt vay	3.771	20.825	-	-
Lãi do chênh lệch tỷ giá	1.543	2.399	246	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.964	-	82	-
	136.382	40.493	76.093	4

27. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VND
Chi phí lãi vay phải trả cho các Ngân hàng	39.979	16.474	-	-
Chi phí lãi vay phải trả cho công ty mẹ	-	1.957	-	-
Chi phí lãi vay trái phiếu chuyển đổi phải trả cho TPG	46.675	-	46.675	-
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	9.979	4.175	-	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	41	-	-	-
	96.674	22.606	46.675	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

28. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009</u> Triệu VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.433	41	-	-
Thu từ bán phế liệu	3.060	967	-	-
Thu nhập khác	292	1.412	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	5.785	2.420	-	-

29. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009</u> Triệu VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	3.237	9	-	-
Giá vốn của phế liệu đã thanh lý	3.704	-	-	-
Phạt thuế	557	4.175	-	-
Chi phí khác	971	551	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	8.469	4.735	-	-

30. Lợi nhuận từ công ty liên kết

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010</u> Triệu VND	<u>Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009</u> Triệu VND
Lợi nhuận từ công ty liên kết	148.913	-	-	-
Khấu hao lợi thế thương mại	(126.976)	-	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	21.937	-	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

31. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Tập đoàn		Công ty	
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành				
Giai đoạn hiện hành	39.133	25.141	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	107	-		
	39.240	25.141		
Thu nhập thuế hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	3	-	-	-
Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận	(5.079)	-	-	-
	(5.076)	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập	34.164	25.141	-	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**Tập đoàn**

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010		Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế		479.439		306.022
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25,00%	119.860	25,00%	76.505
Ưu đãi thuế	-	-	(0,09%)	(279)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(16,88%)	(80.929)	(17,88%)	(54.714)
Ảnh hưởng của mức thuế suất cao hơn trong các hoạt động khác	0,01%	59	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,57%	2.718	0,10%	305
Thu nhập không bị tính thuế	(1,20%)	(5.751)	-	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trước đây	0,90%	4.299	1,09%	3.324
Dự phòng thiếu trong những năm trước	0,02%	107	-	-
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(1,29%)	(6.199)	-	-
	7,13%	34.164	8,22%	25.141

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Công ty

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010		Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế		23.188		1
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25,00%	5.797	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	1	-	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trước đây	1,73%	401	-	-
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(26,73%)	(6.199)	-	-
	-	-	-	-

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 Triệu VNĐ
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Thu nhập lãi vay và thuế nhà thầu nước ngoài được thanh toán bởi Công ty Cổ phần Ma San	51.588	-
	Cho Công ty Cổ phần Ma san vay	-	58.543
	Mua trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cản trở khoản vay phải thu từ công ty mẹ	-	400.000
	50% chi phí quản lý doanh nghiệp được thanh toán bởi Công ty Cổ phần Ma San	6.230	-
Thành viên Hội đồng Quản trị			
Thành viên Hội đồng Quản trị	Khoản vay nhận được và chi phí lãi vay	-	44.551

33. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	30/6/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	94.342	206.904	-	-
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.242.911	428.947	-	-
	1.337.253	635.851	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2010	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong vòng một năm	37.913	32.513	-	-
Từ hai đến năm năm	80.291	71.838	-	-
Trên năm năm	24.307	26.584	-	-
	142.511	130.935	-	-

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 336.469 triệu VND (2009: 145.425 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 485.399.820 (2009: 127.511.959 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	336,469	145,425

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	30/6/2010	30/6/2009
		(Giả định)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	485.399.820	3.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông được phát hành trong kỳ	-	124.311.959
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông vào cuối kỳ	485.399.820	127.511.959

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm 2009 đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc chia cổ phiếu theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 11 tháng 7 năm 2009. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 cũng đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc chia cổ phiếu này.

Nhằm giúp cho việc so sánh, số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 được tính toán dựa trên số cổ phiếu giá định do Công ty phát hành trên cơ sở kế toán sáp nhập (nguyên tắc mang sang toàn bộ).

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính lãi suy giảm trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh những ảnh hưởng của tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm tàng phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi (xem Thuyết minh số 21(i)). Giá chuyển đổi được dựa trên lợi nhuận của Tập đoàn trong năm 2010 nhưng với mục đích của việc tính toán này, giá xác định sơ bộ là 20.374 VNĐ/cổ phiếu đã được sử dụng.

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)	336.469	145.425

Lợi nhuận thuần suy giảm thuộc về cổ đông phổ thông đã tính đến phần lãi vay và các chi phí liên quan về các trái phiếu có thể chuyển đổi cũng như phần thu nhập lãi và thuế nhà thầu từ công ty mẹ.

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	485.399.820	127.511.959
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi trái phiếu có thể chuyển đổi	30.922.285	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	516.322.105	127.511.959

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

35. Thù lao chi trả bằng cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, số cổ phiếu của một công ty con được phát hành cho nhân viên của công ty đó đối với công sức đã đóng góp như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
Nhân viên	568.847	773.565
Thành viên Ban Giám đốc (không bao gồm trong số nhân viên)	48.210	43.722

36. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Vào tháng 7 năm 2010, Công ty tham gia ký kết Hợp đồng Vay Có thể Chuyển đổi (“Hợp đồng”) với Công ty Tài chính Quốc tế (“IFC”) cho mục đích mở rộng hoạt động và các khoản chi mua sắm đầu tư với số tiền gốc là 40.000.000 USD. Hợp đồng có nêu điều khoản rằng Công ty sẽ cam kết cho phép IFC có thể chuyển đổi tối đa là 25% giá trị vay gốc thành cổ phiếu và yêu cầu Công ty niêm yết các cổ phiếu đã được chuyển đổi đó.

37. Vấn đề khác

Công ty mẹ đang trong quá trình thực hiện giao dịch mua lại lợi ích trong một mỏ kim loại. Nếu giao dịch dự tính này xảy ra, cổ phiếu của Công ty có thể trở thành quyền chọn.

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



13 AUG 2010